TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số*:* 04/2020/KDTM-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v*:* tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành;

Bà Trịnh Thị Lan;

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLST- KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng P; Địa chỉ: số 25A phố C, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N- chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Nam Định - Hà Nam (Theo Giấy ủy quyền số 2485/GUQ-NHPT-PC ngày 27-11-2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng P); Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân Q, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng P khu vực Nam Định – Hà Nam (Theo Quyết định ủy quyền số 21/GUQ-NHPT.KVNĐHN ngày 20-01-2020 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P khu vực Nam Định – Hà Nam); Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp: Bà Vũ Thị Sao M, Luật sư Công ty Luật TNHH ALS, Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Công ty cổ phần H; Địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lan A, chức vụ: Giám đốc.

(tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng P là ông Nguyễn Xuân Q, có mặt bà Vũ Thị Sao M; vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị Lan A lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-12-2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là Ngân hàng P là ông Nguyễn Xuân Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng P (sau đây gọi là Ngân hàng phát triển) được thành lập theo Quyết định 108/2006/QĐ -TTg ngày 19-5-2006 để thực hiện chính sách cho vay Tín dụng đầu tư Phát triển của Nhà nước và các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao, là ngân hàng chính sách hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thực hiện chính sách về tín dụng đầu tư theo Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29-06-1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và Quyết định số 55/2000/QĐ – TTg ngày 23-4-2000 của Thủ tướng Chính phủ - về việc Phê duyệt chiến lược phát triển và một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2010. Sau khi tiến hành thẩm định dự án vào ngày 28-11-2003 Ngân hàng phát triển, Chi nhánh khu vực Nam Định - Hà Nam và Công ty cổ phần H (sau đây gọi là Công ty H) đã ký hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ -TD với số tiền cho vay là 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*); Thời hạn vay vốn 07 năm (trong đó: 02 năm ân hạn); Lãi suất nợ trong hạn: 50% hưởng lãi suất ưu đãi 3% - theo Quyết định 55/QĐ – TTg ngày 23-4-2001 và 50% hưởng lãi suất hiện hành 5,4%. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất nợ trong hạn. Lãi vay được tính kể từ ngày bên vay nhận khoản vay đầu tiên theo Khế ước nhận nợ cho đến ngày trả hết nợ. Kỳ hạn trả lãi: hàng tháng. Trả nợ gốc: kỳ hạn trả nợ theo quý; Thời điểm trả nợ: Từ Quý 4 năm 2005; số kỳ trả nợ 15 kỳ; Mức trả nợ: 500.000.000 đồng/kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay: Công ty H vay để đầu tư 42 máy dệt kiếm Nhật Bản và dây truyền tẩy nhuộm hoàn tất, công suất 2.340.000m/năm phục vụ xuất khẩu.

Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi phạt và phí theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 Công ty H và

Ngân hàng phát triển đã ký Phụ lục Hợp đồng bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà nước số 04b/PLHĐBĐTV ngày 10-12-2004 với nội dung như sau: Tài sản dùng để thế chấp của Công ty H là: Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà nước bao gồm toàn bộ 42 máy dệt kiếm Nhật Bản và dây truyền tẩy nhuộm hoàn tất; Giá trị của tài sản bảo đảm: 10.000.000.000đ. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20-4-2007 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

Thực hiện các cam kết trong hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ –TD ngày 28-11-2003 Ngân hàng phát triển đã giải ngân cho Công ty H vay tổng số tiền là 10.000.000.000 đồng theo hai khế ước vay nợ số 04/2003/KƯ ngày 28-11-2003 Công ty H đã rút tiền vay bằng đồng Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, để tháo gỡ khó khăn cho Công ty H, giữa Ngân hàng phát triển và Công ty H đã ký kết Hợp đồng điều chỉnh gia hạn nợ số số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 với nội dung sửa đổi, bổ sung về thời hạn vay và thời hạn trả nợ. Cụ thể như sau: Thời hạn vay: 08 năm (96 tháng); Thời hạn ân hạn: 02 năm (24 tháng); Thời gian trả nợ: 06 năm (72 tháng) và sửa đổi, bổ sung số tiền trả nợ gốc (Dư nợ còn lại: 3.800.000.000đ): Quý III, IV/2009: 100.000.000đ/quý; Năm 2010: 300.000.000đ/quý; Quý I, II/ 2011: 500.000.000đ/quý; Quý III, IV/ 700.000.000đ/quý.

Thực hiện Công văn số 1471/NHPT-TDĐT ngày 06-5-2011 của Tổng giám đốc Ngân hàng phát triển về việc xử lý tài sản bảo đảm của Công ty H thì tài sản thế chấp đã được định giá qua Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam và ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 62/2011/HĐBĐG ngày 16-11-2011 qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định. Ngày 04-10-2012 tài sản thế chấp đã được bán cho ông Nguyễn Văn Chiến qua Trung tâm đấu giá, số tiền thu hồi nợ từ bán đấu giá tài sản thế chấp là: 2.041.227.776 đồng.

Sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm số nợ gốc, lãi mà Công ty H đã trả cho Ngân hàng phát triển đến ngày 31-12-2013 là 10.238.127.776 đồng (Trong đó: trả nợ gốc: 8.341.227.776đồng, trả nợ lãi: 1.896.900.000đ). Dư nợ mà Công ty Hồng Hả còn phải thanh toán là 2.435.305.307đồng (Trong đó: nợ gốc: 1.658.772.224đồng, nợ lãi: 776.533.083đồng và lãi phát sinh). Từ ngày 31-12-2013 đến ngày 03-01-2018 Công ty H liên tục gặp khó khăn không trả được nợ vay nhưng vẫn phối hợp cùng Ngân hàng phát triển để ký, đóng dấu, xác nhận phiếu đối chiếu cho vay tín dụng đầu tư. Từ ngày 03-01-2018 đến trước ngày xét xử (ngày 05-5-2020) Công ty H không tiếp tục thực hiện những cam kết đã ký

tại Biên bản xác nhận dư nợ vay sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm và hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư Nhà nước ngày 28-11-2003.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định buộc Công ty H phải trả cho Ngân hàng phát triển toàn bộ nợ (gốc, lãi) vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước với số tiền đến thời điểm ngày 05-5-2020 là: 3.018.217.227 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.658.772.224 đồng, lãi phải trả: 1.359.445.003 đồng gồm lãi trên nợ gốc trong hạn là 249.258.000 đồng và lãi trên nợ gốc quá hạn là 1.110.187.003 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06-5-2020 đến thời điểm Công ty H trả cho Ngân hàng phát triển. Việc tính lãi tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận của các Bên tại Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003. Yêu cầu Công ty cổ phần H thực hiện đầy đủ các cam kết trong Biên bản xác nhận dư nợ vay sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm và tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư Nhà nước ngày 28-11-2003.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty H và bà Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo pháp luật đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng phía bị đơn không có mặt nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn. Tòa án đã tiến hành thủ tục thu thập chứng cứ tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh. Kết quả trả lời bằng công văn số 84/CCTT-ĐKKD ngày 14-02-2020 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định xác nhận: *"Công ty H có trụ sở chính tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Lan A – Giám đốc; Nơi cư trú: số 8 ngõ 205 T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội; đến nay công ty chưa nộp hồ sơ xin tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản. Hiện tại trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần H trong trạng thái đang hoạt động".* Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết Biên bản phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đối với bị đơn theo địa chỉ trụ sở chính trong Giấy phép đăng ký kinh doanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng qui định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã được đảm bảo việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng qui định.

Về việc giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng phát triển và Công ty H có ký kết hợp đồng tín dụng với số tiền vay là 10.000.000.000 đồng. Hình thức và nội

dung của hợp đồng đã đảm bảo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phát triển. Buộc Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng phát triển tổng số tiền gồm gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến hết ngày 05-5-2020 là 3.018.217.227 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.658.772.224 đồng, lãi phải trả: 1.359.445.003 đồng gồm lãi trên nợ gốc trong hạn là 249.258.000 đồng và lãi trên nợ gốc quá hạn là 1.110.187.003 đồng)và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 06-5-2020 đến ngày Công ty H trả hết nợ cho Ngân hàng phát triển theo lãi suất nợ quá hạn được qui định tại Hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ –TD ngày 28-11-2003 và Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003

- Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp đã được đấu giá tài sản qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định theo Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 62/2011/HĐBĐG ngày 16-11-2011. Ngày 04-10-2012 tài sản thế chấp đã được bán cho ông Nguyễn Văn Ch qua Trung tâm đấu giá, số tiền thu hồi nợ từ bán đấu giá TSTC là: 2.041.227.776 đồng. Hiện tại Ngân hàng phát triển đã nhận lại số tiền bán đấu giá tài sản thế chấp trên và không có ý kiến gì khác.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Trả lại toàn bộ án phí cho Ngân hàng phát triển.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng phát triển yêu cầu Công ty H trả nợ cho Ngân hàng phát triển theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ –TD ngày 28-11-2003 và Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003. Căn cứ nội dung hợp đồng Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp Kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm số nợ gốc, lãi mà Công ty H còn phải trả nợ cho Ngân hàng phát triển là

2.435.305.307đồng (Trong đó: nợ gốc: 1.658.772.224đồng, nợ lãi: 776.533.083đồng và lãi phát sinh). Từ ngày 31-12-2013 đến ngày 03-01-2018 Ngân hàng phát triển và Công ty H vẫn phối hợp xác nhận phiếu đối chiếu cho vay tín dụng đầu tư. Từ ngày 03-01-2018 đến trước ngày xét xử (ngày 05-5-2020) Công ty H không tiếp tục thực hiện những cam kết đã ký tại Biên bản xác nhận dư nợ vay sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm và hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư Nhà nước ngày 28-11-2003. Do vậy, thời điểm phát sinh tranh chấp được tính từ ngày 03-01-2018, việc Ngân hàng phát triển khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán nợ là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 18 của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ –TD ngày 28-11-2003 giữa Ngân hàng phát triển và Công ty H thì tranh chấp các bên sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Công ty H có địa chỉ trụ sở tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng nguyên đơn là Ngân hàng phát triển đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết tranh chấp phù hợp với qui định của Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.4].Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Công ty H vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn

[2] Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng:

Thực hiện Quyết định số 55/2000/QĐ – TTg ngày 23-4-2000 của Thủ tướng Chính phủ - về việc Phê duyệt chiến lược phát triển và một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2010. Sau khi tiến hành thẩm định dự án vào ngày 28-11-2003 Ngân hàng phát triển - Chi nhánh khu vực Nam Định - Hà Nam và Công ty H đã ký Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 và Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003. Về nội dung: các Hợp đồng tín dụng trên đều có các nội dung cơ bản như: Số vốn vay tối đa; Mục đích sử dụng vốn vay; Thời hạn vay vốn; Thời hạn trả nợ gốc; Lãi suất bao gồm lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, thời điểm tính lãi, kỳ hạn trả lãi; Kỳ hạn trả nợ gốc; Thời điểm trả nợ gốc; Số kỳ hạn trả nợ; Mức trả nợ... đều do người đại diện hợp pháp của các bên ký và đóng dấu. Xét thấy các bên tiến hành giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với Điều 130, Điều 131, Điều 467 Bộ luật dân sự năm 1995; về lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Điều 51 Luật các Tổ chức

tín dụng và Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng năm 1997 nên Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng điều chỉnh có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Đối với Hợp đồng thế chấp: Hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp đều phù hợp với quy định tại các Điều 346 và 347 của Bộ luật dân sự 1995. Hợp đồng đã được công chứng và tài sản thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên cũng có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán nợ:

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng phát triển đã giải ngân tổng số tiền 10.000.000.000 đồng cho Công ty H để đầu tư 42 máy dệt kiếm Nhật Bản và dây truyền tẩy nhuộm hoàn tất, công suất 2.340.000m/năm phục vụ xuất khẩu. Công trình đã được Quyết toán và đi vào hoạt động vào năm 2004 với tổng giá trị tài sản cố định được nghiệm thu và đưa vào sử dụng là 13.511.000.000 đồng. Quá trình vay vốn, Công ty H đã được Ngân hàng phát triển áp dụng các biện pháp tháo gỡ khó khăn bằng việc đã gia hạn nợ cho Công ty H bằng Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 trong đó có nội dung điều chỉnh thời hạn vay, thời hạn trả nợ gốc. Do Công ty H liên tục gặp khó khăn nên các bên đã thỏa thỏa thuận thống nhất bán đấu giá tài sản thế chấp qua Trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định vào ngày 04-10-2012. Số tiền bán đấu giá thu được sau khi trừ chi phí đấu giá là 2.041.227.776 đồng. Số tiền này Ngân hàng phát triển đã đối trừ vào nợ gốc của Công ty H. Sau khi bán đấu giá tài sản thế chấp Công ty H và Ngân hàng phát triển đã ký Biên bản xác nhận dư nợ vay, tuy nhiên Công ty H vẫn không dùng các nguồn vốn hợp pháp để trả nợ và không bổ sung tài sản bảo đảm tiền vay.

Như vậy, Công ty H đã vi phạm Khoản 1 Điều 6, Khoản 3 Điều 8 và Khoản 5 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003, Điều 2 Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 và Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Căn cứ bảng kê dư nợ khoản vay của Công ty H do Ngân hàng phát triển tính đến ngày 05-5-2020 thì Công ty H phải thanh toán số tiền là 3.018.217.227 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.658.772.224 đồng, lãi phải trả: 1.359.445.003 đồng gồm lãi trên nợ gốc trong hạn là 249.258.000 đồng và lãi trên nợ gốc quá hạn là 1.110.187.003 đồng).Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng phát triển là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17-10-

2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06-5-2019, Công ty H còn phải phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 và Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 cho đến ngày Công ty H trả hết nợ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp:

Ngân hàng P và Công ty H đã thỏa thuận thống nhất bán đấu giá tài sản thế chấp qua Trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Nam Định vào ngày 04-10-2012. Số tiền bán đấu giá thu được sau khi trừ chi phí đấu giá Ngân hàng phát triển đã đối trừ vào nợ gốc của Công ty H. Nay Ngân hàng phát triển không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Công ty H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là 3.018.217.227 đồng là: [72.000.000đ + (3.018.217.227 – 2.000.000.000) x2%] = 92.364.000 đồng (đã làm tròn số)

Yêu cầu của Ngân hàng P được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng P đã nộp được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 130, Điều 131, Điều 119, Điều 324, Điều 346, Điều 347, Điều 359, Điều 361, Điều 362, Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với Công ty cổ phần H.

- Buộc Công ty cổ phần H phải thanh toán cho Ngân hàng P các khoản nợ tính đến hết ngày 05-5-2020 như sau:

- Tiền nợ gốc: 1.658.772.224 đồng

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 249.258.000 đồng

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 1.110.187.003 đồng

Tổng cộng là 3.018.217.227 đồng *(ba tỷ không trăm mười tám triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày 06-5-2020 Công ty cổ phần H còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 130% của các mức lãi suất 5,4% và 3% mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 và Hợp đồng số 01/2009/PLHĐTDĐT - ĐC ngày 10-08-2009 về việc điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2003/HĐ-TD ngày 28-11-2003 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng P.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần H phải nộp án phí kinh doanh thương mại là 92.364.000 đồng đồng (chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng)

- Trả lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.700.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002730 ngày 13-01-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Thị Kim Huế